TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** -----***-----	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------*****----------

Bản án số: 271/2018/HSST
Ngày: 10.11.2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thanh Tú**

Các hội thẩm nhân dân: 1. **Bà Nguyễn Thị Nhị Hà**

2. **Bà Nguyễn Thị Huyền Nga**

Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Phạm Thị Mai** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hai Bà Tr- ng, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Tr- ng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Ông Ngô Minh Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 10.11.2018, tại trụ sở Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 280/2018/HSST ngày 18.10.2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 295/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Dương Minh T - Sinh năm: 1971, HKTT: phường T, quận T, thành phố H. Nơi ở: lang thang. Nghề nghiệp: tự do. Trình độ văn hoá: 7/12, Con ông: Dương Minh H (đã chết), con bà: Đặng Thị D (đã chết). Tiền án, tiền sự: 04 Tiền án: Ngày 30/5/1994, TAND thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm tù về tội Cướp tài sản (đã xóa án tích); Ngày 24/12/2001, TAND thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (đã xóa án tích); Ngày 20/8/2009, TAND quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa án tích); Ngày 08/8/2016, TAND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chưa xóa án tích). Danh chỉ bản số: 285 lập ngày 18/06/2018 do Công an quận Hai Bà Trưng cung cấp. Đầu thú ngày 15/6/2018 về hành vi Cướp giật tài sản. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số I - Công an TP Hà Nội

Có mặt tại phiên tòa.

Ng- ời bị hại:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995

HKTT: huyện Y, tỉnh B.

Trú tại: phường H, quận T, thành phố H

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19h30 ngày 15/6/2018, Dương Minh T điều khiển xe máy SYM màu xanh, BKS: 36N1 - 3778 chở anh trai là Dương Đình C (sinh năm: 1963, HKTT: 5 phường T, quận T, thành phố H) đi tìm nhà trọ. Phát hiện tại khu vực trước cửa số nhà 3 phố Trần Đại Nghĩa, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, chị Nguyễn Thị T (Sinh năm: 1995, HKTT: huyện Y, tỉnh B) đang ngồi trên xe đạp điện, phía sau là Nguyễn Thị Thu H (Sinh năm: 2003, HKTT: huyện Y, tỉnh B). Cả hai đang dừng xe cầm điện thoại trên tay để nhắn tin nên T nảy sinh ý định cướp giật chiếc điện thoại để bán lấy tiền ăn tiêu. T điều khiển xe vòng lại phía sau áp sát cùng chiều, dùng tay phải giật chiếc điện thoại Iphone 6 của chị T rồi kẹp điện thoại vào giữa hai chân, tăng ga bỏ chạy về hướng ngã tư Trần Đại Nghĩa - Lê Thanh Nghị. Thấy chị T đuổi theo hô "cướp, cướp", nhiều người đi đường đã truy đuổi hai đối tượng. Thấy T giật điện thoại, C kêu lên: "Mày giết anh rồi" và bảo T dừng xe nhưng do lúc này có nhiều người dân đang truy đuổi, sợ bị đánh nên T không nghe mà tiếp tục điều khiển xe bỏ chạy theo hướng Trần Đại Nghĩa – Lê Thanh Nghị – Giải Phóng – Đại Cồ Việt - Kim Ngưu. Quá trình bị người dân truy đuổi, khi đi đến đường bờ sông Kim Ngưu, T đã vứt chiếc điện thoại vừa cướp giật được xuống đường, chạy vào trụ sở Công an phường Mai Động trên đường Kim Ngưu để đầu thú.

Tại cơ quan công an, Dương Minh T và Dương Đình C khai nhận sự việc như trên. Khi nhìn thấy chị T ngồi trên xe, tay cầm điện thoại nhắn tin nên T nảy sinh ý định cướp giật tài sản. Khi biết T giật điện thoại bỏ chạy, C kêu lên: "Mày giết anh rồi" và nhiều lần bảo T dừng xe nhưng T không dám dừng lại vì sợ bị người dân đuổi đánh.

Dương Minh T khai quá trình bỏ chạy, khi đến đường Kim Ngưu đã vứt chiếc điện thoại là tang vật của vụ án, hiện không thu hồi được. Quá trình điều tra, chị T giao nộp 01 hóa đơn mua bán và 01 bộ vỏ hộp chiếc điện thoại di động Iphone 6 bản 16G (số Imel : 353321073822051) của chiếc điện thoại bị chiếm đoạt. Căn cứ

quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với các tài sản Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Hai Bà Trưng. Tại bản kết luận định giá tài sản số 60/KL-HĐ ĐGTS ngày 10/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hai Bà Trưng kết luận: "01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, 16G, màu bạc, số Imel: 353321073822051 đã qua sử dụng trị giá 3.000.000 đồng". Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu bồi thường dân sự.

Đối với chiếc xe máy SYM màu xanh, BKS: 36N1 – 3778, Dương Minh T khai mượn của bạn xã hội tên "T1" để làm xe ôm, không biết tên thật và địa chỉ của "T1". Qua tra cứu, xe đăng ký mang tên anh Lê Văn D (sinh năm: 1970, trú tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T). Anh D khai năm 2008 mua chiếc xe trên sau đó bán cho một người đàn ông không quen biết. Qua tra cứu xe có số khung số máy nguyên thủy, không phải là tang vật trong vụ án khác. Hết thời hạn điều tra do chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Hai Bà Trưng đã ra quyết định tách các tài liệu liên quan đến chiếc xe máy trên để tiếp tục xác minh, xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 254/CT-VKS ngày 10/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Tr- ng đã truy tố Dương Minh T về tội C- ớp giật tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan công an, công nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Dương Minh T như tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản cáo trạng. Sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đánh giá mức độ phạm tội, xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đã đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Dương Minh T với mức án từ 4 (bốn) năm đến 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản. Về trách nhiệm dân sự: người bị hại chị Nguyễn Thị T không yêu cầu bồi thường dân sự và không yêu cầu gì khác nên không xem xét. Về xử lý vật chứng: không có.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra; phù hợp với bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hai Bà Trưng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19h30 ngày 15/6/2018, tại trước cửa số nhà 3 phố Trần Đại Nghĩa, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Dương Minh T có hành vi dùng phương tiện xe máy cướp giật của chị Nguyễn Thị T chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 trị giá 3.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Dương Minh T đã phạm tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

"**Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:**

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm."

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã dùng xe máy để c- ớp giật tài sản. Việc dùng xe máy đi c- ớp giật tài sản là rất nguy hiểm không những chỉ xâm phạm đến tài sản của ng- ời bị hại mà còn ảnh h- ởng đến tính mạng, sức khỏe của ng- ời bị hại. Hành vi của bị cáo là dùng thủ đoạn nguy hiểm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, bảo đảm trật tự kỷ cương xã hội.

Xét nhân thân của bị cáo Dương Minh T đã có 04 tiền án: Ngày 30/5/1994, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm tù về tội Cướp tài sản (đã xóa án tích); Ngày 24/12/2001, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (đã xóa án tích); Ngày 20/8/2009, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa án tích); Ngày 08/8/2016, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chưa xóa án tích), nên lần này phạm tội là tái phạm và chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do vậy Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo Dương Minh T sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội của mình đã đầu thú, tự nguyện ra trình diện và khai báo với cơ quan Công an phường Mai Động về hành vi phạm tội của mình. Do vậy Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 (Mười triệu) đồng đến 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng". Tuy nhiên, xét bị cáo Dương Minh T không có nghề nghiệp, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

+ Người bị hại chị Nguyễn Thị T không yêu cầu bồi thường dân sự và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Đối với chiếc xe máy SYM màu xanh, BKS: 36N1 – 3778, Dương Minh T khai mượn của bạn xã hội tên "T1" để làm xe ôm, không biết tên thật và địa chỉ của "Tuấn". Qua tra cứu, xe đăng ký mang tên anh Lê Văn D (sinh năm: 1970, trú tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T). Anh D khai năm 2008 mua chiếc xe trên sau đó bán cho một người đàn ông không quen biết. Qua tra cứu xe có số khung số máy nguyên thủy, không phải là tang vật trong vụ án khác. Hết thời hạn điều tra do chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Hai Bà Trưng đã ra quyết định tách các tài liệu liên quan đến chiếc xe máy trên để tiếp tục xác minh, xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. ***Tuyên bố****:* Bị cáo **Dương Minh T** phạm tội: **"Cướp giật tài sản".**

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo: **Dương Minh T: 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng** tù về tội: "Cướp giật tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 15/06/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu gì dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

3. ***Về án phí*****:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Dương Minh T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. ***Về quyền kháng cáo***: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận*:*
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- Công an Q.Hai Bà Trưng;
- Thi hành án Q.Hai Bà Trưng;
- TAND.TP Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Trại tạm giam Hà Nội.
- UBND phường T, quận T, Tp. H
- Sở tư pháp TP. Hà Nội
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tú